

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 565/2023/HC-PT

Ngày: 31/7/2023

V/v “Khởi kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 305/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai” do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh T1 có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7118/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa:

* **Người khởi kiện:** Ông Lê Khắc T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Phố A, phường B, thành phố C, tỉnh T1; Nơi cư trú: Phòng 203 nhà E3 khu tập thể D, phường E, quận F, thành phố G (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị X, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 543 I, phường K, thành phố L, tỉnh T1 (Có mặt).

* **Người bị kiện:** Chủ tịch UBND thành phố C, tỉnh T1 và Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh T1 (Vắng mặt).

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C, tỉnh T1 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Lê Khắc T trình bày:

Gia đình ông có thửa đất ở tại thửa số 125, tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính phường M đo vẽ năm 1994, có diện tích 21.471m² tại N, phố A, phường B, thành phố C. Nguồn gốc sử dụng đất trước năm 1980, đất do bố mẹ ông khai hoang sau khi già yếu để lại cho ông đứng tên trên thửa đất 125 là đất được sử dụng liên tục cho đến khi nhà nước thu hồi, không có tranh chấp với gia đình nào và chưa có giấy tờ về đất. Đất được sử dụng vào việc trồng trọt, chăn nuôi.

Đến năm 1993 nhà nước đã cho phép gia đình ông Lê Khắc T chuyển đổi 203,1m² đất trong khu đất của gia đình ông thành đất ở thì đất này của ông đã nộp tiền sử dụng đất ở.

Việc thiết lập bản đồ và các tài liệu quyền sử dụng đất do nhà nước làm dân không được biết. Do đó, bản đồ và sổ mục kê tại phường M đã ghi không đúng chủ hộ sử dụng, đất của gia đình ông Lê Khắc T lại ghi là HTX. Sai sót này không chỉ đối với mình gia đình ông T mà sai sót với rất nhiều hộ khác lân cận với gia đình ông như ông C và gia đình ông Trương Văn O, ông Phạm Văn P... cũng ghi là đất của HTX và đất đồng cỏ, nhưng các hộ vẫn được bồi thường là đất ở.

Tại Quyết định 936/QĐ-UBND ngày 02/4/2007 của UBND tỉnh T1 về việc thu hồi đất của ông Lê Khắc T tại thửa 125 đã thể hiện rất rõ việc thu hồi đất đối với gia đình ông, UBND thành phố đã không xem xét thực tế nên đã không kiểm kê đền bù cho gia đình ông 16.999m² đất canh tác, chăn nuôi, trồng trọt, không có thông báo cho gia đình ông Lê Khắc T được biết cũng không lập hồ sơ đền bù 16.999m² đất, các cán bộ Ban GPMB thành phố và cán bộ địa chính xã giải thích là đất không có giấy tờ gì thì không được kê khai bồi thường, nên ông tưởng các cán bộ giải thích như vậy là đúng, nên khi UBND thành phố chỉ kiểm kê thu hồi bồi thường 203,1m² đất ở.

Đến nay, gia đình ông mới biết được Quyết định 936/QĐ-UBND ngày 02/4/2007 của UBND tỉnh T1 về việc thu hồi đất của ông Lê Khắc T là 16.999m² thì phải được bồi thường toàn bộ diện tích đất cho ông mới đúng, nhưng khi kiểm kê thu hồi bồi thường thì UBND thành phố bỏ ngoài 16.999m² đất canh tác, đất liền kề đất ở, đất trồng trọt của ông Lê Khắc T, không bồi thường cho ông T là không đúng.

Gia đình ông T đã khiếu nại nhiều lần đối với nội dung áp giá đất thu hồi không đúng và chưa được bồi thường diện tích đất bị thu hồi là 16.999m² đất đồng cỏ.

Căn cứ Bản án số 05/2013/HC-ST ngày 25/9/2013 của TAND thành phố C, ngày 15/9/2014 UBND thành phố C ban hành Quyết định số 8193/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB (bổ sung) về đất cho

03 hộ, trong đó hộ ông T được phê duyệt bổ sung số tiền 240.000.000đ do tăng đơn giá đất ở từ 1.200.000đ/m² lên 2.400.000đ/m²; mức giá đất ở tính bồi thường cho hộ ông T là 3.000.000đ/m² x hệ số 0,8.

Không đồng ý với việc phê duyệt lại giá đất thu hồi của UBND thành phố, ông Lê Khắc T tiếp tục khiếu nại Quyết định 8193/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND thành phố C, ông T đề nghị áp giá bồi thường đất nơi đi theo hệ số 1 đường Q sông J.

Ngày 29/8/2018, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 7221/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Khắc T, không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Lê Khắc T.

Ngày 06/9/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Công văn số 4586/UBND-TCKH về việc trả lời đơn của bà Lê Thị X (là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Khắc T để khiếu nại, khiếu kiện). Công văn trả lời của Chủ tịch UBND thành phố cho rằng việc khiếu nại của ông Lê Khắc T là không có cơ sở giải quyết, tại công văn UBTP căn cứ Quyết định số 936/QĐ-UBND tỉnh T1 ngày 02/4/2007 về việc thu hồi đất của ông Lê Khắc T thể hiện tại thửa 125 bị thu hồi 16.999m² đất, nhưng UBTP lại không kiểm kê bồi thường diện tích đất cho ông Lê Khắc T là không đúng quyết định của tỉnh T1. Tại Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 30/3/2010 của UBND thành phố C về việc thu hồi đất do 34 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng tại thôn A, thu hồi đất của gia đình ông T là 203,1m². Như vậy, tổng cộng 02 quyết định thu hồi đất thì gia đình ông T bị thu hồi 17.202m² đất chứ không phải là 203m² như Công văn 4586/UBND-TCKH ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố trả lời công dân khiếu nại và Ban Nội chính Tỉnh ủy.

Xét thấy, UBND thành phố C áp giá bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và việc trả lời khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố C đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình, ông Lê Khắc T khởi kiện vụ án hành chính, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T1 giải quyết:

- Hủy Quyết định số 7221/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Khắc T.

- Hủy một phần Quyết định số 8193/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND thành phố C về việc phê duyệt dự toán bồi thường (bổ sung) cho ông T, về phần bồi thường diện tích đất ở 203,1m² x 2.400.000đ/m² = 487.440.000đ.

- Buộc UBND thành phố C bồi thường toàn bộ diện tích đất đã thu hồi là 16.999m² trong đó có 203,1m² đất đã nộp tiền sử dụng đất ở và diện tích đất còn lại 16.795,9m² đất trồng trọt chăn nuôi, canh tác, chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất và phê duyệt lại toàn bộ giá đất cho ông T tại thời điểm bồi thường theo vị trí 1 của Q sông J. Đồng thời bồi thường tài sản công san lấp từ các hố bom, công cải tạo đất cho gia đình ông T trên diện tích đã thu hồi làm đường Q sông J

diện tích 16.795,9m² và bồi thường giá đất trồng cây lâu năm cho gia đình ông T.

- Hủy một phần Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 30/3/2010 của UBND thành phố C đối với nội dung thu hồi đất của ông Lê Khắc T do diện tích đất gia đình ông T không thuộc diện thu hồi đất giai đoạn 1, vậy gia đình ông T còn lại là 4.472m² đất tại xứ đồng N.

- Đề nghị UBND thành phố cấp GCNQSD đất cho gia đình ông T với tổng diện tích 4.472m² tại xứ đồng N.

- Buộc UBND thành phố C giao đất tái định cư cho ông Lê Khắc T đảm bảo quyền, lợi ích cho ông Lê Khắc T đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Tòa án truy cứu, làm rõ trách nhiệm về việc các cán bộ làm sai cho gia đình ông T phải chịu trách nhiệm trước pháp luật vì gây thiệt hại cho gia đình ông T trong 10 năm qua.

- Hủy Công văn số 4586/UBND-TCKH ngày 06/9/2019 về việc trả lời đơn của bà Lê Thị X gửi Ban Nội chính Tỉnh ủy T1.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố C và Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh T1 có quan điểm:

Ngày 30/3/2010, UBND thành phố C ban hành Quyết định số 1370/QĐ-UBND về việc thu hồi 203,1m² đất của ông Lê Khắc T đang sử dụng tại thửa số 125, tờ số 6, Bản đồ địa chính xã B lập năm 1994, địa chỉ tại thôn A, xã B, thành phố C để thực hiện Dự án xây dựng Q sông J. Ngày 04/4/2011, UBND thành phố C đã ban hành Quyết định 1369/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường cho hộ ông Lê Khắc T, với số tiền được tính bồi thường: 199.936.000 đồng (về đất: 200m² x 960.000 đồng/m² = 192.000.000 đồng; tài sản: 2.520.000 đồng; cây cối hoa màu: 5.416.000 đồng). Ngày 31/10/2012, UBND thành phố C đã ban hành Quyết định số 6026/QĐ-UBND. Theo đó, phê duyệt bồi thường bổ sung về đất cho hộ ông Lê Khắc T với số tiền 49.798.000 đồng, do giá đất ở tăng từ 960.000 đồng/m² lên 1.200.000 đồng/m²; đơn giá 1.200.000 đồng/m² được tính bằng 2.000.000 đồng/m² x hệ số 0,6 và hỗ trợ 3,1m² đất nông nghiệp trong khu dân cư. Căn cứ Bản án số 05/2013/HC-ST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố C, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 8193/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 về việc phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB (bổ sung) về đất cho 03 hộ, trong đó hộ ông T được phê duyệt bổ sung số tiền 240.000.000 đồng, do tăng đơn giá đất ở từ 1.200.000 đồng/m² lên 2.400.000 đồng/m²; giá đất ở được tính bằng 3.000.000 đồng/m² x hệ số 0,8. Như vậy, hộ ông Lê Khắc T được bồi thường về đất diện tích 203,1m² với tổng số tiền là 481.798.000 đồng, trong đó: Đất ở: 200m² x 2.400.000đồng/m² = 480.000.000 đồng; hỗ trợ 3,1m² đất nông nghiệp trong khu dân cư: 1.798.000 đồng. Hộ ông Lê Khắc T được bố trí 03 lô đất ở tái định cư tại Mặt bằng quy hoạch số 934,

phường M với tổng diện tích 203m² tổng số tiền sử dụng đất phải nộp là 487.200.000 đồng.

Căn cứ xác định vị trí, giá đất bồi thường cho hộ ông Lê Khắc T: Căn cứ Quyết định số 4515/2013/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh T1, quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh năm 2014 và Bản án số 05/2013/HC-ST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố C: “Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/7/2013, xác định vị trí đất nhà ông T thuộc đường từ Nhà văn hóa thôn đến cầu B. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (lại) ngày 29/8/2013 xác định vị trí đất nhà ông T cách đường từ Nhà văn hóa thôn đến cầu B 182m, giáp ngõ có mặt cắt rộng 3,5m...” Ngày 17/6/2014, Hội đồng định giá đất thành phố C họp xác định giá đất đối với hộ ông Lê Khắc T: Áp dụng đối với thửa đất có ít nhất một mặt giáp với ngõ không có tên trong bảng giá đất có mặt cắt ngõ nhỏ nhất từ 3m trở lên hệ số bằng 0,8 so với vị trí 1. Tại Điểm 14.1 Mục 14, đơn giá đất Quy định tại Quyết định số 4515/2013/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh T1, quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh năm 2014 thì đoạn đường từ Nhà văn hóa thôn đến cầu B, giá đất ở là 3.000.000đồng/m². Do đó, mức giá để tính bồi thường: 2.400.000đồng/m² (3.000.000đồng/m² x vị trí 2 hệ số 0,8). Ngày 15/9/2014, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 8193/QĐ-UBND, về việc phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB (bổ sung) về đất cho 03 hộ, trong đó hộ ông T được phê duyệt bổ sung số tiền 240.000.000đ do tăng đơn giá đất ở từ 1.200.000 đồng/m² lên 2.400.000 đồng/m²; mức giá đất ở tính bồi thường cho hộ ông T là 3.000.000đồng/m² x hệ số 0,8.

Như vậy, những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, bao gồm: “Huỷ một phần quyết định số 8193/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố C, về việc phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ, GPMB và huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 7221/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố C” là không có cơ sở, vì: Căn cứ Quyết định số 4515/2013/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh T1, quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh năm 2014 và Bản án số 05/2013/HC-ST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố C, UBND thành phố đã phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ ông Lê Khắc T là rất thoả đáng, đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C:

Ngày 02/4/2007, UBND tỉnh T1 ban hành Quyết định số 936/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Qsông J, thành phố C, theo đó: Thu hồi một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 06, diện tích là 16.999,0m² đất trồng cỏ do UBND xã B quản lý thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 06, Bản đồ địa chính phường M, lập năm 1994 để thực hiện dự án Q sông J, thành phố C. Qua kiểm tra trong diện tích đất thu hồi nêu trên thì có một phần diện tích do UBND xã xá

giao không đúng thẩm quyền cho một số hộ gia đình, cá nhân (28 hộ) trong đó có 203,1m² đất của hộ ông Lê Khắc T. Nay hộ ông T yêu cầu thu hồi và bồi thường bổ sung 16.795,9m² (16.999,0m² – 203,1m²) là đất canh tác trồng cây lâu năm mà đất đó không có bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào chứng minh đất của gia đình ông là không có cơ sở. Mặt khác, tại thời điểm UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, diện tích đất nêu trên là đất trồng cỏ do UBND phường M quản lý, hộ ông T không có sử dụng đất và không có bất kỳ tài sản, cây cối nào trên diện tích đất nêu trên.

Đối với yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 7221/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết đất đai cho ông Lê Khắc T diện tích đất ở 203,1m² tại N phố A, phường M; UBND phường M hoàn toàn thống nhất theo Quyết định 7221/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của chủ tịch UBND thành phố C.

Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 8193/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc phê duyệt dự toán bồi thường bổ sung cho ông Lê Khắc T về phần bồi thường diện tích và buộc phê duyệt lại giá đất ở theo vị trí 1 sát mặt đường Q sông J là không có cơ sở. UBND phường M thống nhất với quan điểm giải quyết của UBND thành phố C, việc giải quyết như trên là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Khắc T rút một phần yêu cầu khởi kiện về đề nghị:

- Hủy Quyết định số 7221/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Khắc T.

- Hủy một phần Quyết định số 8193/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND thành phố C về việc phê duyệt dự toán bồi thường (bổ sung) cho ông T, về phần bồi thường diện tích đất ở $203,1\text{m}^2 \times 2.400.000\text{đ}/\text{m}^2 = 487.440.000\text{đ}$.

* Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh T1 đã:

1. Căn cứ: Khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính.

Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu người khởi kiện đã rút như sau:

- Hủy Quyết định số 7221/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Khắc T.

- Hủy một phần Quyết định số 8193/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND thành phố C về việc phê duyệt dự toán bồi thường (bổ sung) cho ông T, về phần bồi thường diện tích đất ở $203,1\text{m}^2 \times 2.400.000\text{đ}/\text{m}^2 = 487.440.000\text{đ}$.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 30/3/2010 của UBND thành phố C do đã hết thời hiệu khởi kiện.

2. Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc T về việc:

- Đề nghị thu hồi và bồi thường bổ sung 16.795,9m² đất canh tác trồng lâu năm cho hộ ông Lê Khắc T thuộc thửa 125, tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính phường M, thành phố C để thực hiện dự án Q Sông J.

- Buộc UBND thành phố C bồi thường toàn bộ diện tích đất đã thu hồi là 16.999m² trong đó có 203,1m² đất đã nộp tiền sử dụng đất ở và diện tích đất còn lại 16.795,9m² đất trồng trọt chăn nuôi, canh tác, chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất và phê duyệt lại toàn bộ giá đất cho ông T tại thời điểm bồi thường theo vị trí 1 của Q sông J.

- Đề nghị hủy Công văn số 4586/UBND-TCKH ngày 06/9/2019 về việc trả lời đơn của ông Lê Khắc T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/3/2023, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Khắc T là bà Lê Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Bà Lê Thị X xác định năm 2019 ông T có giấy ủy quyền cho bà khởi kiện đối với diện tích 16.999m² đất nhưng không xuất trình được giấy ủy quyền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có ý kiến thể hiện: Theo giấy ủy quyền ngày 04/10/2017 bà Lê Thị X được quyền khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án và bác yêu cầu khởi kiện của bà X là có căn cứ. Về quyền kháng cáo: căn cứ nội dung ủy quyền thì bà X có quyền kháng cáo. Tuy nhiên kháng cáo không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Lê Thị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Tại đơn khởi kiện vụ án hành chính đề ngày 08/7/2019 gửi Tòa án nhân dân tỉnh T1 có nội dung:

Người khởi kiện: Ông Lê Khắc T; Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê

Thị X (theo giấy ủy quyền ngày 04/10/2017) .

Người bị kiện: Chủ tịch UBND và UBND thành phố C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Phần cuối đơn ghi người đại diện khởi kiện bà Lê Thị X (ký và viết tên).

Về thủ tục khởi kiện của vụ án hành chính tại Điều 117 Luật Tố tụng hành chính 2015 quy định:

“1. Khi khởi kiện vụ án hành chính thì cơ quan, tổ chức, cá nhân phải làm đơn khởi kiện theo quy định tại Điều 118 của Luật này.

2. Cá nhân có năng lực hành vi tố tụng hành chính đầy đủ thì có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ của người khởi kiện trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của cá nhân; ở phần cuối đơn cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ...”

Như vậy, việc bà Lê Thị X viết hộ ông Lê Khắc T đơn khởi kiện là đúng thủ tục khởi kiện, nhưng việc ký tên vào đơn phải do ông Lê Khắc T ký tên. Do đó việc bà X ký tên vào đơn khởi kiện đã vi phạm vào điểm a khoản 1 Điều 123 Luật Tố tụng hành chính 2015. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải trả lại đơn khởi kiện hoặc yêu cầu người khởi kiện làm lại đơn khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của bà X cùng các nội dung tại đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà X là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[1.2]. Đơn kháng cáo: Tại đơn kháng cáo đề ngày 02/3/2023 gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh T1 thể hiện: Người kháng cáo: Lê Khắc T, người đại diện: Lê Thị X; phần cuối đơn người kháng cáo ký tên Lê Thị X.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 205 Luật Tố tụng hành chính 2015:

“... ”

2. Người kháng cáo là cá nhân có năng lực hành vi tố tụng hành chính đầy đủ có thể tự mình làm đơn kháng cáo. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của đương sự có kháng cáo; đồng thời ở phần cuối đơn kháng cáo, đương sự đó phải ký tên hoặc điểm chỉ.

3. Người kháng cáo quy định tại khoản 2 Điều này nếu không tự mình kháng cáo thì có thể ủy quyền cho người khác đại diện cho mình kháng cáo. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền có kháng cáo; họ, tên, địa chỉ của đương sự ủy quyền kháng cáo và văn bản ủy quyền; đồng thời ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền phải ký tên hoặc điểm chỉ.

...

6. Việc ủy quyền quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hợp pháp, trừ trường hợp văn bản ủy

quyền đó được lập tại Tòa án có sự chứng kiến của Thẩm phán hoặc người được Chánh án Tòa án phân công. Trong văn bản ủy quyền phải có nội dung đương sự ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền kháng cáo bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.”

Tại giấy ủy quyền không có ngày, tháng, năm được chứng thực ngày 04/10/2017 có nội dung: Bên ủy quyền (Bên A): Lê Khắc T, Bên nhận ủy quyền (Bên B): Bà Lê Thị X... Nội dung ủy quyền: “Hiện tôi đang làm đơn khởi kiện ông Chủ tịch UBND thành phố C và ông Chủ tịch UBND tỉnh T1 tại Tòa án nhân dân tỉnh T1. Do điều kiện công tác xa nên không có thời gian tham gia tố tụng và tất cả các công việc có liên quan đến đất đai do UBND thành phố C thu hồi của tôi diện tích đất là 203m² từ năm 2009 đến nay chưa được đền bù. Nay ủy quyền cho chị gái Lê Thị X toàn quyền quyết định, đại diện cho tôi tham gia tố tụng tại Tòa án tỉnh T1 để thực hiện xét xử trong giai đoạn phúc thẩm, thi hành án, nhận đất đền bù, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tất cả các việc có liên quan đến đất đai và tài sản của tôi có liên quan đến tất cả các cơ quan chức năng để giải quyết mọi công việc của tôi”. Trong nội dung ủy quyền trên không có nội dung ủy quyền cho bà Lê Thị X kháng cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm đã không kiểm tra đơn kháng cáo, không căn cứ vào khoản 3 Điều 207 Luật Tố tụng hành chính 2015 để yêu cầu người kháng cáo làm lại đơn kháng cáo hoặc trả lại đơn theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 207 Luật Tố tụng hành chính “a. Người kháng cáo không có quyền kháng cáo” mà vẫn xác định ông T kháng cáo, thông báo cho ông T nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo (bà X nộp thay) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Điều 204 (Người có quyền kháng cáo) và Điều 205 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3]. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn có những vi phạm sau: Bản án thể hiện xét xử vụ án trong các ngày 16, 21/3/2023; Biên bản nghị án ghi ngày nghị án là ngày 21/3/2023; Biên bản phiên tòa ghi ngày bắt đầu phiên tòa là 16/02/2023 và kết thúc ngày 21/3/2023. Tòa án cấp sơ thẩm đã có quyết định sửa chữa, bổ sung bản án xác định Bản án số 04/2023/HC-ST ngày 21/02/2023, tuy nhiên phần thời gian mở phiên tòa sơ thẩm tại trang 1 của bản án sơ thẩm, Biên bản nghị án và Biên bản phiên tòa vẫn thể hiện như đã nêu ở trên dẫn đến không xác định được thời gian mở phiên tòa xét xử.

Do Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc xác định người có quyền khởi kiện, nội dung yêu cầu khởi kiện; người có quyền kháng cáo, nội dung kháng cáo cũng như sai sót trong việc xác định thời gian mở phiên tòa, thời gian nghị án như đã phân tích ở trên, cấp phúc thẩm không khắc phục được. Cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về án phí: Ông Lê Khắc T không phải chịu án phí phúc thẩm hành chính. Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Từ những căn cứ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh T1. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh T1 xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Lê Khắc T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; Hoàn trả ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000335 ngày 13/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T1. Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T1 (kèm HSVA);
- VKSND tỉnh T1;
- Cục THADS tỉnh T1;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà